TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 168/2023/QĐST-HNGĐ

H, ngày 22 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 22-8-2023 về việc *"yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989; địa chỉ nơi thường trú: tổ 33B, khu 5, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Đinh Thị V, sinh năm 1990; địa chỉ nơi thường trú: tổ 33B, khu 5, phường H1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 26-8-2011. Nên hôn nhân giữa anh B và chị V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh B và chị V chung sống hạnh phúc đến tháng 10-2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh B và chị V đã sống ly thân từ tháng 10-2022, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh B và chị V đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc anh B và chị V thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 06-3-2012 và Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 18-11-2014. Hiện nay sức khỏe của 02 con chung bình thường. Ly hôn, anh B và chị V thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung là Nguyễn Anh Đ cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh B và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B và chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa anh B và chị V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V thỏa thuận anh, chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa anh B và chị V là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V thỏa thuận chị Đinh Thị V có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14-9-2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V có 02 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 06-3-2012 và Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 18-11-2014. Hiện nay, sức khỏe của 02 con chung bình thường. Ly hôn, anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 06-3-2012 cho chị Đinh Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung là Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 18-11-2014 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh B và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B và chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V thỏa thuận anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V thỏa thuận anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn B và chị Đinh Thị V thỏa thuận chị Đinh Thị V có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí chị Đinh Thị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002227 ngày 22-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị Đinh Thị V đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường H1, TP. H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga